

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG PHONG HÀO
VIỆT NAM**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG PHONG HÀO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHONG HAO VIET NAM COMMERCIAL PRODUCTION AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHONG HAO VN CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0106910513

3. Ngày thành lập: 21/07/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 25, ngõ 42, tổ dân phố 4, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983544500

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
2.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
3.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
4.	Chăn nuôi lợn	0145
5.	Chăn nuôi gia cầm	0146
6.	Chăn nuôi khác	0149
7.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
8.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
9.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
10.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
11.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
12.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
13.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
14.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
15.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
16.	In ấn	1811
17.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

20.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
21.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
22.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
24.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
25.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
26.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Xây dựng nhà các loại	4100
29.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
30.	Xây dựng công trình công ích	4220
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
35.	Bán mô tô, xe máy	4541
36.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
39.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
40.	Bán buôn gạo	4631
41.	Bán buôn thực phẩm	4632
42.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
43.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ loại nhà nước cấm, không bao gồm dược phẩm)	4649
44.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
45.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
47.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4791
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (không bao gồm hoạt động phòng thí nghiệm cảnh sát)	7120

